



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
Bureau of Accreditation (BoA)

**QUY ĐỊNH PHÂN LOẠI LĨNH VỰC
THỬ NGHIỆM/ HIỆU CHUẨN**

CATEGORIES OF TESTING/ CALIBRATION FIELDS

Mã số/Code: ARL 02

Lần ban hành/Issued number: 4.24

Ngày ban hành/ Issued date: 05/01/2024

<p>1. Mục đích</p> <p>Tài liệu đưa ra qui định cụ thể để phân loại các lĩnh vực thử nghiệm/hiệu chuẩn thống nhất trong hoạt động công nhận Phòng thí nghiệm của Văn phòng Công nhận Chất lượng và các PTN đăng ký công nhận.</p>	<p>1. Object</p> <p>The document mention specific requirement for classify the field of testing/calibration laboratory to unite the accreditation activities of the Bureau of accreditation and laboratories applying for accreditation.</p>
<p>2. Phạm vi</p> <p>Tài liệu này được áp dụng cho Văn phòng Công nhận chất lượng và các PTN đăng ký công nhận.</p>	<p>2. Scope</p> <p>This document is applied for the BoA and applicant laboratories for accreditation.</p>
<p>3. Nội dung</p> <p>Hoạt động thử nghiệm và hiệu chuẩn được chia thành các lĩnh vực thử nghiệm/hiệu chuẩn. Mỗi lĩnh vực thử nghiệm/hiệu chuẩn gồm nhiều loại phép thử/hiệu chuẩn. Mỗi loại phép thử/hiệu chuẩn là tập hợp những phép thử/hiệu chuẩn cụ thể.</p>	<p>3. Content</p> <p>Testing and calibration activities have been classified into testing and calibration fields. Each testing/calibration field included many kinds of testing/calibration. Each testing/calibration is a set of specific testing/calibration.</p>
<p>Việc công nhận phòng thí nghiệm được cấp cho các phép thử/hiệu chuẩn/lấy mẫu cụ thể hoặc loại phép thử/hiệu chuẩn/lấy mẫu căn cứ vào cơ sở pháp lý là các phương pháp thử/hiệu chuẩn/lấy mẫu. Phương pháp thử/hiệu chuẩn/lấy mẫu có thể là phương pháp thử quy định trong các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn của các tổ chức Quốc tế khác hoặc tiêu chuẩn của một quốc gia khác hoặc phương pháp thử nội bộ.</p>	<p>Laboratory accreditation have been issued for specific testing/calibration or type of specific testing and calibration based on testing/calibration methods. These methods can be Vietnamese standard, ISO, standards of international organization or other country's standards or laboratory developed method.</p>
<p>Các lĩnh vực thử nghiệm hiệu chuẩn được công nhận hiện nay gồm:</p>	<p>Now the field of testing/calibration include:</p>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Lĩnh vực thử nghiệm sinh 2. Lĩnh vực thử nghiệm hoá 3. Lĩnh vực thử nghiệm dược 4. Lĩnh vực hiệu chuẩn và đo lường 5. Lĩnh vực thử nghiệm cơ 6. Lĩnh vực thử nghiệm xây dựng 7. Lĩnh vực thử nghiệm điện – Điện tử 8. Lĩnh vực thử nghiệm không phá huỷ 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Biological field 2. Chemical field 3. Phamaceutical field 4. Measurement – Calibaration field 5. Mechanical field 6. Construction field 7. Electriccal field 8. Non-Destructive testing field
<p>1. Lĩnh vực thử nghiệm sinh</p>	<p>1. Biological field</p>

<p>Phương pháp phân tích sinh học, vi sinh, sinh học phân tử, sinh hoá, sinh lý học, tế bào trên các loại vật liệu tự nhiên và tổng hợp, chế biến, các loại sản phẩm, mẫu môi trường, thuốc thú y.... Bao gồm các phép thử kiểm dịch động vật và thực vật, hạt giống, phân loại động vật, phân loại thực vật...</p>	<p>Testing on biology, microorganism, molecular biology, biochemical, physical biology for all kinds of natural materials and produce materials, products, environmental samples, veterinary drug ...including physatanory for plant and animal, seed, animal classification, plan classification...</p>
<p>2. Lĩnh vực thử nghiệm hoá</p> <p>Phương pháp phân tích hoá học và phát hiện bằng phương pháp hoá học, hoá lý trên các loại vật liệu tự nhiên và tổng hợp, chế biến, các loại sản phẩm, mẫu môi trường, thuốc thú y.... Bao gồm các phương pháp phân tích bằng công cụ, tự động, cảm quan cũng như các phép thử vật lý kết hợp như xác định tỷ trọng, phóng xạ, hạt nhân nguyên tử.</p>	<p>2. Chemical field</p> <p>Chemical analysis method and detection by chemical analysis physical chemistry for all kinds of natural materials and produce materials, products, environmental samples, veterinary drug ... Including analysis by instrument, equipment, sensory, also physics testing as determination of density, radioactive, atomic nucleus.</p>
<p>3. Lĩnh vực thử nghiệm dược</p> <p>Phương pháp phân tích hoá học và sinh học các vật liệu và sản phẩm liên quan tới thuốc và mỹ phẩm dùng cho các mục đích y học.</p>	<p>3. Phamaceutical field</p> <p>Chemical analysis and biological analysis for materials and products related to medicine and cosmetic for medical purposes</p>
<p>4. Lĩnh vực đo lường và hiệu chuẩn</p> <p>Hiệu chuẩn thiết bị đo và thử nghiệm ví dụ như dụng cụ đo và thử nghiệm hoá, lý, cơ, điện và điện tử, dụng cụ đo âm thanh và rung động, dụng cụ đo quang và ánh sáng, đo nhiệt, đo lường chính xác các đại lượng độ dài, thời gian, khối lượng, điện và các đại lượng dẫn xuất trực tiếp như góc, dung tích và áp suất, hiệu chuẩn và thử nghiệm các phương tiện đo.</p>	<p>4. Measurement – Calibaration field</p> <p>Calibaration for measure and test equipment as measure and test tool chemistry, physics, mechanics, electricity and electronics, sound and vibration measument tool, optical and light measument tool, themometer, measuring accurately length quantity, time, mass, directly derivative quantity as angle, capacity, pressure, measurement and calibaration measure means.</p>
<p>Trong lĩnh vực đo lường hiệu chuẩn chia thành các lĩnh vực chính sau:</p>	<p>Measurement – Calibaration field has been divided in to following major fields:</p>
<p>4.1. Đo lường hiệu chuẩn Độ dài và kích thước hình học;</p> <p>4.2. Đo lường hiệu chuẩn Cơ: Bao gồm khối lượng, lực độ cứng, áp suất, tỷ trọng, dung tích và lưu lượng;</p> <p>4.3. Đo lường hiệu chuẩn Nhiệt: gồm nhiệt, nhiệt lượng, nhiệt dung;</p> <p>4.4. Đo lường hiệu chuẩn Điện: gồm các đại lượng điện một chiều, xoay chiều, sóng điện từ và thời gian tần số;</p>	<p>4.1. Measurement/calibaration length and geometrical dimention</p> <p>4.2. Measurement/calibaration mechanics: mass, hardness, pressure, density, volume, flow;</p> <p>4.3. Measurement/calibaration theometer: themal capacity, calory...</p> <p>4.4. electrical measurement/calibaration: direct current. alternating current, electro-magnetic wave, frequency time;</p>

<p>4.5. Đo lường hiệu chuẩn Quang: gồm các đại lượng quang và bức xạ từ có liên quan;</p> <p>4.6. Đo lường hiệu chuẩn âm: gồm các đại lượng âm và rung động;</p> <p>4.7. Đo lường hiệu chuẩn Hoá lý: gồm các thiết bị phân tích hóa lý, mẫu chuẩn được chứng nhận;</p> <p>4.8. Đo lường hiệu chuẩn Bức xạ ion hoá và phản ứng hạt nhân;</p>	<p>4.5. Optical measurement/calibration: optical quantities and related magnetic radiation;</p> <p>4.6. Sound measurement / calibration: sound and vibration quantities;</p> <p>4.7. Physio-chemical: Measurement/calibration:</p> <p>4.8. Ion radiation and nuclear reaction measurement/calibration</p>
<p>5. Lĩnh vực thử nghiệm cơ</p> <p>Đo lường các đặc trưng cơ học và thử nghiệm vật lý các vật liệu, kết cấu và các bộ phận bao gồm kim loại và các sản phẩm kim loại, dệt và các sản phẩm dệt, giấy và các sản phẩm giấy, đồ chơi..., và các phép thử kim trưng.</p>	<p>5. Mechanical field</p> <p>Measurement of specific mechanics and physics testing of materials, structure and component including metal and metal product, fabric and fabric production (weave and weave production), paper and paper product, toy...and metallography test</p>
<p>6. Lĩnh vực thử nghiệm xây dựng</p> <p>Đo lường sức bền, thử nghiệm cơ lý - hoá các vật liệu, kết cấu và bộ phận liên quan đến xây dựng nhà cửa và công trình. Lĩnh vực này bao gồm thử nghiệm không phá huỷ của bê tông và thử nghiệm đất.</p>	<p>6. Construction field</p> <p>Measurement of strength, physiochemical test for materials, structure and parts related to constructing house and construction. this field includes nondestructive testing for concrete and soil test.</p>
<p>7. Lĩnh vực thử nghiệm điện - điện tử</p> <p>Đo lường các đặc trưng về điện và thử nghiệm các phần tử và thiết bị điện - điện tử - viễn thông bao gồm cả các thiết bị công nghiệp thương mại cũng như các thiết bị dân dụng. Thử nghiệm độ tin cậy về môi trường của các vật liệu, các bộ phận liên quan và thiết bị.</p>	<p>7. Electriccal and Electronic field</p> <p>Measurement of specific electric and testing elements and electriccal- telecommunication equipment including trade industrial and civil equipment. Reliability Testing on metarial's enviroment, related parts and equipment.</p>
<p>8. Lĩnh vực thử nghiệm không phá huỷ</p> <p>Kiểm tra các bộ phận và kết cấu bằng các kỹ thuật như chụp tia phóng xạ, siêu âm, thẩm thấu, phương pháp từ và dòng xoáy.</p>	<p>8. Non-Destructive testing field</p> <p>Testing all parts and structure by techniques as radiography, utrasonic, penetrant, magnetic method and ...</p>
<p>Văn phòng Công nhận Chất lượng sẽ ban hành các phụ lục “Yêu cầu chi tiết” cho từng lĩnh vực thử nghiệm trên</p>	<p>The BoA issued supplementary requirement for each above mentioned field</p>